

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 24/6/2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 94/2021/TLST- DSST ngày 05/4/2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Trường T - Sinh năm 1954.

Địa chỉ: phường N, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị P - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Anh T - Sinh năm 1960.

2. Bà Lê Thị N - Sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 60.000.000đ và số tiền lãi thoả thuận và lãi quá hạn là: 211.200.000đ.

Tính đến ngày 24/6/2021 ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị N còn nợ ông Hoàng Trường T số tiền gốc là: 940.000.000đ (Chín trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Ông Nguyễn Anh T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Trường T số tiền 940.000.000đ. tiền gốc theo các kỳ như sau:

Kỳ thứ nhất vào ngày 30/7/2021 trả số tiền gốc là: 150.000.000đ.

Kỳ thứ hai vào ngày 30/12/2021 trả số tiền gốc là: 150.000.000đ.

Kỳ thứ ba vào ngày 30/6/2022 trả số tiền gốc là: 200.000.000đ

Kỳ thứ tư vào ngày 30/12/2022 trả số tiền gốc là: 200.000.000đ.

Kỳ thứ năm vào ngày 30/6/2022 trả số tiền gốc là: 240.000.000đ.

Đến thời hạn trả nợ ông T bà N không trả hoặc không trả đầy đủ số tiền các bên đã thỏa thuận từng kỳ hạn nêu trên thì được coi là bên có nghĩa vụ vi phạm điều kiện cam kết, các kỳ hạn tiếp theo không còn giá trị, ông T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành khoản nợ trên.

Về án phí: Ông T bà N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPTH
- Thi hành án TP
- Các đương sự
- Lưu HS

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Hoa